TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 72/2018/QĐST-HNGĐ	*Sơn Trà, ngày 4 tháng 5 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 41/2018/TLST-HNGĐ ngày 14/03/2018 giữa:

* Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu Th - Sinh năm: 191992. Trú tại: Tổ 10C Lộc Phước, phường T, quận S, TP Đà Nẵng.

* Bị đơn: Đoàn Công H - Sinh năm: 1991. Trú tại: Tổ 42 phường T, quận S,TP Đà Nẵng.

Căn cứ vào Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 04 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 4 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Bà Nguyễn Thị Thu Th với ông Đoàn Công H (giấy chứng nhận kết hôn số 341/2011, ngày 23/12/2011 tại UBND phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng không còn giá trị).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Nguyễn Thị Thu Th với ông Đoàn Công H thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con chung giữa Bà Nguyễn Thị Thu Th với ông Đoàn Công H như sau:Giao cháu Đoàn Nguyễn Gia H - sinh ngày: 22/01/2012 và Đoàn Nguyễn Nhã Ng - sinh ngày:16/01/2014 cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng, ông H không cấp dưỡng nuôi con.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: Bà Th và ông H không có.

- Nợ chung: Bà Th và ông H xác định không có.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Án phí HNGĐ 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) Bà Th và ông H mỗi người phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm ngàn đồng). Nhưng bà Th tự nguyên chịu được khấu trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí bà đã nộp tại Chi cục Thi hành án quận S, theo biên lai thu số 8577 ngày 14/03/2018.Hoàn trả cho bà Th 150.000đ số tiền tạm ứng án phí còn lại.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận S
- Chi cục THADS quận S;
- UBND nơi đã đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán

đã ký

Lương Thị Anh